

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 17-10-2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.
2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 563/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Q**, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 1/34, tổ 5, ấp 7, xã P, huyện L, tỉnh Đ. “Có mặt”

- Bị đơn: Anh **Lê Hồng S**, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ 5, ấp 7, xã P, huyện L, tỉnh Đ. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn- chị Đỗ Thị Q trình bày:*

Anh chị chung sống với nhau năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Bình. Trong quá trình chung sống thì không có hạnh phúc. Vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn và cãi vã. Anh S thường xuyên nhậu nhẹt, đánh bài, không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình. Anh S còn gây gổ với mẹ ruột chị về chuyện tiền bạc, đất đai. Khi cãi nhau, anh chị có đánh nhau. Anh chị ly thân từ tháng 07/2019 đến nay. Trong quá trình ly thân, anh S có xin lỗi và

bàn bạc đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng S.

- Về con chung: có 2 con chung tên là Lê Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 21/09/2008 và Lê Đỗ Hồng Tr1, sinh ngày 30/01/2010.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đỗ Thùy Tr, giao cháu Lê Đỗ Hồng Tr1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, hai bên không cấp dưỡng qua lại lẫn nhau.

- Tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

* Trong bản biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 08 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- anh Lê Hồng S trình bày:

Anh chị chung sống với nhau năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Bình, huyện Long Thành. Trong cuộc sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nên cãi vã. Nguyên nhân do cả hai đều nóng tính, khi bàn bạc bất cứ vấn đề gì thì cũng bất đồng quan điểm, hai bên không nhường nhịn nhau rồi gây gỗ, đánh nhau. Cách đây hơn 1 năm, khi anh đi làm về thì có uống rượu và bị bạn bè rủ rê cờ bạc. Anh đánh thua vài triệu nên vợ chồng có nói qua lại rồi cãi vã. Ngoài ra, không có mâu thuẫn gì khác. Từ tháng 07/2019 đến nay, anh chị sống ly thân, anh ở nhà riêng của vợ chồng còn chị Q về nhà mẹ ruột ở. Trong thời gian ly thân, anh có xin lỗi vợ và gia đình vợ để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q không chịu. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 2 con chung tên là Lê Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 21/09/2008 và Lê Đỗ Hồng Tr1, sinh ngày 30/01/2010.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đỗ Hồng Tr1 và giao cháu Lê Đỗ Thùy Tr cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng qua lại lẫn nhau.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện không đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- chị Đỗ Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn-anh Lê Hồng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Q và anh Lê Hồng S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 111 quyền số 01/2007 ngày 12 tháng 12 năm 2007) nên quan hệ hôn nhân của chị Q và anh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào các chứng cứ được thu thập và thể hiện tại hồ sơ thì chị Đỗ Thị Q và anh Lê Hồng S có xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Nguyên nhân chính là anh chị bất đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi vã. Anh S có đi nhậu nhẹt, sau đó có tham gia đánh bài nên vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng. Anh S còn gây gỗ gia đình bên vợ về chuyện tiền bạc, đất đai. Khi gây gỗ, anh chị có đánh nhau. Chị Q và anh S đã ly thân tháng 07/2019 đến nay. Trong thời gian này, anh S có xin lỗi chị Q và bàn bạc, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Như vậy, giữa chị Đỗ Thị Q và anh Lê Hồng S đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Đỗ Thị Q, xử cho chị Đỗ Thị Q được ly hôn với anh Lê Hồng S là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có con chung tên là Lê Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 21/09/2008 và Lê Đỗ Hồng Tr1, sinh ngày 30/01/2010.

Sau khi ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đỗ Thùy Tr và giao cháu Lê Đỗ Hồng Tr1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng thì anh S đồng ý. Anh chị cũng có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu Lê Đỗ Thùy Tr cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Lê Đỗ Hồng Tr1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của chị Q được chấp nhận nên chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn- chị Đỗ Thị Q đối với bị đơn- anh Lê Hồng S.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Q được ly hôn anh Lê Hồng S.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 21/09/2008 cho chị Đỗ Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Đỗ Hồng Tr1, sinh ngày 30/01/2010 cho anh Lê Hồng S được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005348 ngày 31/07/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. (chị Q đã nộp đủ án phí)

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Đức Chung – Nguyễn Văn Phước

Đào Ngọc Nam

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam